

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 162/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-11-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tư;

- Ông Phạm Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị Kim P**, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp A, xã MB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp A, xã MB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Ngô Thị Kim P trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn Đ tổ chức đám cưới vào năm 2006. Sau khi sinh con, đến ngày 11-9-2008 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện C. Hôn nhân trên cơ sở có người làm mai, chị và anh Đ không có thời gian tìm hiểu nhau. Sau đám cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến khi sinh cháu Huỳnh Thị Yến V thì anh Đ bắt đầu phát sinh chơi cờ bạc, đá gà, cá độ đá bóng nhưng chơi ít. Chị sinh thêm cháu Huỳnh Nguyễn Trọng V1 để cho anh Đ thay đổi tính tình, chăm lo cho con mà từ bỏ cờ bạc, nhưng anh Đ chẳng những không thay đổi mà còn chơi nhiều hơn. Chị đã đứng ra trả nợ tiền cờ bạc cho anh Đ khoảng hơn 10 lần, mỗi lần trả số tiền từ 20 đến 30 triệu đồng, có lần gần 100 triệu đồng. Chị đã cố gắng khuyên nhủ anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Từ khoảng tháng 7-2019 thì anh Đ

bỏ nhà đi mà không rõ lý do, theo chị biết thì có thể anh Đ nợ tiền cờ bạc nên bỏ đi trốn nợ. Trước khi đi, cũng trong tháng 7-2019, căn nhà chung của vợ chồng anh Đ cũng bán cho người chị dâu để lấy tiền trả nợ và chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cũng từ đó đến nay. Khi chị về nhà cha mẹ ruột sống, chỉ một hai ngày đầu anh Đ còn gọi điện thoại hỏi thăm con, sau đó thì không liên lạc gì nữa cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Yến V, sinh ngày 05-7-2007 và Huỳnh Nguyễn Trọng V1, sinh ngày 25-11-2010. Hiện chị đang trực tiếp nuôi hai con và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, để hai bên tự thương lượng.

Chị cam đoan việc ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào đối với người thứ ba.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Huỳnh Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị P, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Ngô Thị Kim P và anh Huỳnh Văn Đ tranh chấp về ly hôn; anh Đ cư trú tại ấp A, xã MB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Huỳnh Văn Đ không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị P, anh Đ.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Ngô Thị Kim P và anh Huỳnh Văn Đ là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã MB, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41/2008, quyển số 1/UB, ngày 11-9-2008. Thực tế, chị P, anh Đ chung sống vợ chồng từ năm 2006. Sau khi cưới, đến khi chị sinh cháu V vào năm 2007 thì anh Đ bắt đầu phát sinh chơi cờ bạc, chị có khuyên ngăn nhưng chẳng những anh Đ không dừng lại mà chơi ngày một nhiều hơn, chị P trả nợ

thay từ việc anh Đ chơi cờ bạc nhiều lần, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sự việc anh Đ có chơi cờ bạc được chính quyền địa phương xác nhận là có thật. Từ tháng 7-2019 đến nay chị P, anh Đ cũng đã sống ly thân, không còn liên lạc với nhau nữa. Hơn nữa, anh Đ không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị P, cũng như để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ nên xem như anh Đ đã không còn quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng và tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị P và anh Đ đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị P và anh Đ có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Yến V, sinh ngày 05-7-2007 và Huỳnh Nguyễn Trọng V1, sinh ngày 25-11-2010 hiện do chị P trực tiếp nuôi dưỡng, và hai cháu đều có nguyện vọng được sống với chị P sau khi cha mẹ ly hôn. Chị P cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, anh Đ không có ý kiến gì về phần này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con, tránh làm xáo trộn cuộc sống, tâm lý của hai cháu. Chị P không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung, tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không có ý kiến gì về các vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Ngô Thị Kim P là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Kim P. Cho chị Ngô Thị Kim P được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

2. Về con chung: Giao hai cháu Huỳnh Thị Yến V, sinh ngày 05-7-2007 và Huỳnh Nguyễn Trọng V1, sinh ngày 25-11-2010 cho chị Ngô Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Huỳnh Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị P chưa yêu cầu.

Anh Huỳnh Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị Kim P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 17100 ngày 12-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như chị P đã thi hành xong án phí.

Chị Ngô Thị Kim P, anh Huỳnh Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã MB, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực